STT No.	Gender M/F	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh (Date)	Tháng sinh (Month)	Năm sinh (Year)	Số CMND / ID Number	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ / Language	Tài khoản Certiport/ Certiport	Ngày thi	Ca thi	Phòng thi	Ghi chú mới
1	M	Lê Hoàng	An	16	8	2004	031204007126	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 2: 9h00, ca 3: 10h30	202-B1	Đã chỉnh ca thi
2	F	Trần Thị Thái	An	15	6	2004	036304006947	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
3	M	Bùi Đặng Lâm	Anh	18	10	2005	031205001657	1			1	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
4	M	Lê Đức	Anh	15	8	2002	040202016305	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
5	M	Lương Hoàng	Anh	18	2	2004	020204001657	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	Bổ sung
6	F	Ngô Phương	Anh	3	10	2003	031303010018		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
7	F	Nguyễn Ngọc	Anh	4	9	2004	031304007838	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
8	F	Nguyễn Ngọc	Anh	18	8	2004	031304009041	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
9	M	Nguyễn Quốc	Anh	2	7	2001	031201000230	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
10	M	Nguyễn Trọng Việt	Anh	18	11	2003	031203012733	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
11	M	Nguyễn Tuấn	Anh	9	4	1987	031087013395	LV1			1	IC3: GS6	TV	N	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
12	M	Phạm Quang	Anh	15	12	2003	031203016274	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
13	M	Phan Khắc Hoàng	Anh	4	1	2005	040205025999	1			1	2019	TA	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	Đã sửa cccd
14	F	Trần Lan	Anh	26	6	2005	036305017064	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
15	F	Lê Nhật	Ánh	22	1	2007	031307001404	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
16	F	Nguyễn Ngọc Bảo	Ánh	18	5	2006	031306012610		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
17	M	Đới Xuân	Bắc	23	1	1993	036093001413	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
18	M	Lê Hữu	Bằng	4	12	2004	031204008476	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
19	M	Đào Xuân	Bình	10	6	2003	031203009966	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
20	M	Nguyễn Viết	Cần	8	10	2003	031203015104	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
21	M	Ngô Minh	Châu	31	5	1997	031097004645	1	1		2	2019	TA	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
22	F	Nguyễn Thị Yến	Chi	26	4	2004	031304003335	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
23	M	Trần Đình	Chiến	12	4	2004	036204006909	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	Đã chỉnh ca thi
24	M	Đỗ Minh	Chúc	5	12	2004	036204000987	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
25	M	ĐỖ THANH	CÔNG	6	5	2001	034201008848	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
26	M	Đỗ Thành	Công	25	5	2004	031204005260	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
27	M	Phùng Thành	Công	20	10	2004	031204004575	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
28	M	Tô Quốc	Cường	22	2	2002	030202009134	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	Bổ sung
29	M	Trần Hoàng	Cường	16	9	2004	040204022784	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
30	F	Nguyễn Vũ Linh	Đan	9	11	2007	031307014438	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
31	M	Lê Hoàng	Đạt	15	6	2002	031202008296	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
32	M	Nguyễn Tiến	Đạt	15	11	2004	033204006918	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	Bổ sung
33	F	Đoàn Thị Quỳnh	Diễm	10	3	2005	034305009421	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
34	F	Phạm Bích	Diệp	9	8	2005	031305001897	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
35	F	Đỗ Lưu Huyền	Diệu	18	2	2004	036304005494		1	1	2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
36	F	Đoàn Thu	Dinh	9	8	2004	031304007624	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
37	M	Đào Nguyên	Đông	16	8	2002	031202007160		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 7: 16h30	203-B1	Đã chỉnh ca thi
38	M	Lê Mạnh	Đức	23	3	2004	022204001523	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
39	M	Trần Anh	Đức	28	10	2002	036202003175	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
40	F	Bùi Thùy	Dung	4	5	2004	031304009926	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
41	M	Nguyễn Hoàng Nguyên	Dũng	15	12	2007	031207008766	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
42	M	Nguyễn Ngọc	Dũng	10	2	2007	031207017160	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
43	M	Hoàng Phú	Dương	21	4	2007	031207013414	1	1		2	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
44	M	Vũ Văn	Dương	14	2	2003	031203009481	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
45	M	Đoàn Như	Duy	12	5	2002	031202006238	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
46	M	Trần Đức	Duy	18	7	2004	036204017044	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
47	F	Nguyễn Thị	Duyên	21	5	2005	034305009761	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
48	M	Phạm Văn	Duyến	8	10	2001	031201007636	1	1		2	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
49	F	Đoàn Ngân	Giang	25	10	2004	031304002440	1			1	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	

STT No.	Gender M/F	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh (Date)	Tháng sinh (Month)	Năm sinh (Year)	Số CMND / ID Number	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ / Language	Tài khoản Certiport/ Certiport	Ngày thi	Ca thi	Phòng thi	Ghi chú mới
50	F	Hoàng Hương	Giang	18	5	2005	031305003495	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
51	F	Nguyễn Thị	Giang	7	8	2005	031305001450			1	1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	Bổ sung
52	M	Nguyễn Trường	Giang	20	2	2004	036204006910	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
53	F	Đoàn Thu	Hà	31	8	2004	031304005442	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
54	F	Nguyễn Thị	Hà	21	8	2000	034300006306	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
55	F	Phạm Thị Thu	Hà	5	2	2004	031304004724	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
56	M	Ngô Quang	Hào	28	10	2004	031204001852	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
57	F	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	2	3	2007	034307004197	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
58	M	Nguyễn Tuấn	Hiệp	6	7	2002	031202006085	1	1		2	2019	TA	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
59	M	Vũ Văn	Hiệp	22	10	2004	031204002526	1			1	2019	TA	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
60	M	Nguyễn Minh	Hiếu	5	11	2003	031203000705	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
61	F	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hoa	3	12	2007	031307004232	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
62	M	Nguyễn Đắc	Hoàn	27	4	2003	031203004480	1	1	1	3	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 2: 9h00, ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
63	M	Nguyễn Việt	Hoàn	2	4	2003	031203011086	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
64	M	Nguyễn Tuấn	Hoàng	13	4	2002	030202000603	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	Bổ sung
65	M	Phạm Huy	Hoàng	21	10	2003	031203006212	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
66	M	Vũ Huy	Hoàng	24	3	2002	031202005453	1	1		2	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
67	M	Vũ Nguyễn Việt	Hoàng	7	8	2004	031204002580	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
68	M	Đỗ Đức	Hùng	14	9	2001	031201003952	1	1		2	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
69	M	Dương Mạnh	Hùng	26	11	2004	037204004003	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
70	M	Nguyễn Mạnh	Hùng	24	6	2005	034205009991	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
71	M	Nguyễn Minh	Hùng	21	7	2007	031207005585		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
72	M	Nguyễn Phi	Hùng	2	1	2003	031203000204	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
73	M	Phan Mạnh	Hùng	2	11	2004	044204003528		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
74	M	Trần Phi	Hùng	6	4	2004	031204001539		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
75	M	Hoàng Ngọc	Hưng	1	12	2004	031204002930	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
76	M	Hoàng Quốc	Hưng	13	2	2007	031207004629	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
77	M	Trần Đình	Hưng	30	11	2002	031202008335	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
78	F	Đỗ Thu	Hương	9	4	2007	031307010970	1	1	1	3	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 2: 9h00, ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
79	F	Nguyễn Thị Lan	Hương	3	12	2006	031306009946	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
80	M	Đặng Quang	Huy	27	9	2007	031207009944	1	1		2	2019	TV	N				Hoãn thi
81	M	Lê Quang	Huy	27	8	2007	031207019118	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
82	M	Phùng Quang	Huy	25	4	2004	031204004572	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
83	F	Cao Thị Thu	Huyền	14	2	2006	031306009150		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
84	F	Nguyễn Ngọc	Huyền	14	8	2003	031303010166	1	1	1	3	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 2: 9h00, ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	Đã sửa cccd
85	M	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi	19	10	2004	031204000560	1			1	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
86	M	Lê Trung	Kiên	15	11	2004	026204013048	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
87	M	Nguyễn Trung	Kiên	8	4	2000	022200005600		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
88	M	Phạm Trung	Kiên	13	1	2006	022206007601	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
89	M	Trịnh Trung	Kiên	29	10	2004	031204014850	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
90	M	Vũ Bảo	Lâm	1	12	2004	031204003983	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
91	M	Vũ Tùng	Lâm	25	4	2004	031204007402	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
92	F	Vũ Mai	Lan	22	2	2005	031305014430	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
93	F	Nguyễn Thị	Liên	4	4	2007	031307005653	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
94	F	Bùi Ánh	Linh	28	12	2001	031301002079	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
95	F	Đặng Diệu	Linh	2	9	2004	022304003808	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
96	F	Đỗ Vũ Khánh	Linh	30	7	2007	031307004264	1	1		2	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
97	F	Nguyễn Ngọc	Linh	12	11	2005	031305002751	1	1	1	3	2019	TV	N				hoãn thi
98	F	Nguyễn Thị Mai	Linh	19	6	2003	031303010217	1		1	2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	

STT No.	Gender M/F	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh (Date)	Tháng sinh (Month)	Năm sinh (Year)	Số CMND / ID Number	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ / Language	Tài khoản Certiport/ Certiport	Ngày thi	Ca thi	Phòng thi	Ghi chú mới
99	F	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21	9	2007	031307015247		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
100	F	Quản Phương	Linh	20	4	2002	031302006568	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
101	F	Vũ Đình Khánh	Linh	4	2	2002	031302001193	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
102	F	Vũ Phương	Linh	6	12	2007	031307001441	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
103	F	Trần Thị	Loan	25	3	2007	031307005167	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
104	M	Nguyễn Xuân	Lộc	30	3	2006	031206016514	1			1	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30	203-B1	
105	M	Đỗ Phạm Kim	Long	7	4	2003	031203001856	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
106	M	Nguyễn Xuân	Long	5	2	2004	034204007970	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
107	M	Phùng Hải	Long	2	6	2004	031204009399	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
108	F	Cao Thị Khánh	Ly	4	12	2006	034306008360	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
109	F	Trịnh Thị Hương	Ly	14	10	2006	008306000867		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	203-B1	
110	F	Lê Thị	Lý	30	12	1994	030194012080	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
111	F	Vũ Thị Quỳnh	Mai	16	10	2007	031307013762	1		1	2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
112	M	Đoàn Đức	Mạnh	23	10	2003	031203011392	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
113	F	Nguyễn Thị Tuyết	Mây	14	5	2003	031303006782	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
114	M	Bùi Hoàng	Minh	8	3	2003	031203011718		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
115	F	Bùi Lê Nhật	Minh	10	11	2007	031307001798	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
116	M	Nguyễn Thanh	Minh	4	9	2002	066202000080	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
117	M	Trần Anh	Minh	7	3	2002	031202005782	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
118	F	Vũ Thị Trà	My	14	7	2006	031306003035	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
119	M	Nguyễn Hoàng	Nam	4	12	2000	031200002176	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
120	M	Nguyễn Phương	Nam	6	3	2006	031206004460	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
121	M	Nguyễn Văn	Năng	26	12	2002	031202009432	1	1		2	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
122	F	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	9	10	2002	031302002725		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
123	M	Trần Đoàn Lâm	Nguyên	23	2	2005	076205000839	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
124	M	Trần Phi	Nhật	25	6	2004	031204008227	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
125	F	Trần Yến	Nhi	10	1	2006	031306000724	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
126	F	Đoàn Thanh	Như	16	11	2007	031307009289	1	1	1	3	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 2: 9h00, ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
127	F	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	31	12	2005	075305001990	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
128	F	Hoàng Phương	Nhung	24	6	2005	031305001283	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	Đã sửa cccd
129	M	Bùi Xuân	Phong	13	12	2002	022202001939	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	Bổ sung
130	M	Ngô Thế	Phong	28	11	2004	034204006402	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
131	M	Nguyễn Duy	Phong	15	9	2004	031204007654	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
132	M	Vũ Đình	Phước	12	3	2004	036204014134	1	1		2	2019	TV	N				hoãn thi
133	F	Nguyễn Huy Hà	Phương	7	11	2003	031303006595	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
134	F	Nguyễn Thị Lan	Phương	14	2	2005	031305004353	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
135	F	Phạm Thu	Phương	12	6	2004	036304007914	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
136	M	Ngô Văn	Quân	15	7	2004	031204015029	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
137	M	Phạm Anh	Quân	1	8	2000	031200002960		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
138	M	Đỗ Nhật	Quang	3	12	2004	031204001169	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	Đã chỉnh ca thi
139	M	Nguyễn Ngọc	Quang	18	10	2003	031203003266	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
140	M	Nguyễn Phạm Tân	Quang	5	1	2007	036207016162	1	1		2	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
141	M	Hoàng Minh	Quý	8	4	2003	031203003261	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	Bổ sung
142	F	Lưu Thị Hương	Quỳnh	9	5	2004	036304003460	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
143	M	Nguyễn Phạm Hữu	Quỳnh	9	7	2002	031202005440	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
144	M	Nguyễn Đức	Sinh	3	6	1979	038079020803	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
145	F	Nguyễn Thị	Sinh	10	12	2004	031304004127	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
146	M	Nguyễn Thái	Sơn	14	11	2002	031202010507	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
147	M	Nguyễn Thanh	Sơn	5	12	2001	031201010258	1	1	1	3	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 2: 9h00, ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	

STT No.	Gender M/F	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh (Date)	Tháng sinh (Month)	Năm sinh (Year)	Số CMND / ID Number	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ / Language	Tài khoản Certiport/ Certiport	Ngày thi	Ca thi	Phòng thi	Ghi chú mới
148	M	Nguyễn Thế Thái	Sơn	2	10	2004	031204005153	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	Bổ sung
149	M	Phạm Minh	Tài	23	4	2003	068203000291	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
150	F	Hoàng Phạm Minh	Tâm	20	6	2004	031304002875	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
151	M	Đỗ Duy	Tân	27	8	2003	031203007419	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
152	M	Nguyễn Viết	Tân	7	5	2003	031203001867	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
153	M	Nguyễn Văn	Thắng	4	10	2001	031201007239	W19;W365	E19;E365 ; E Expert19	1	6	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30; ca 2: 9h00, ca 3: 10h30; ca 5: 13h30; ca 6: 15h00, ca 7: 16h30	202-B1	
154	M	Nguyễn Văn	Thắng	4	10	2001	031201007239	W Expert			1	2019	TV	T	11/01/2026	ca 4: 12h00	202-B1	Đã chỉnh ca thi, đổi môn thi
155	F	Nguyễn Thị	Thanh	5	3	2004	031304007596	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
156	M	Phạm Hùng	Thanh	25	5	2002	031202003881	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
157	F	Lương Bích	Thảo	16	7	2007	031307017505	1	1	1	3	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 2: 9h00, ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
158	F	Nguyễn Thị	Thảo	1	11	2006	031306003840	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
159	F	Trần Thị Thanh	Thảo	8	12	2003	031303006197	1	1		2	365	TA	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	Đổi 365
160	M	Vũ Thanh	Thảo	25	2	2005	031205002049	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	Đã chỉnh ca thi
161	M	Nguyễn Viết Phúc	Thịnh	23	12	2003	031203004290	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
162	M	Trịnh Công	Thịnh	25	5	2000	031200004698	AI			1	Gen AI	TV	N	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
163	F	Phạm Thị	Thoa	17	3	2004	031304004213	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
164	F	Phạm Thị Minh	Thu	4	11	2007	034307004658	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
165	M	Nguyễn Đức	Thuận	3	10	2002	031202009906		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
166	F	Phạm Thị Thu	Thương	28	12	2004	030304004800	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
167	F	Mai Thị Thanh	Thủy	21	8	2005	031305010733			1	1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
168	M	Lê Đức	Toàn	5	11	2003	034203011180	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
169	F	Hoàng Ngọc	Trâm	15	3	2007	031307000057	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
170	F	Nguyễn Thu	Trang	8	6	2005	036305012835	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
171	F	Phạm Quỳnh	Trang	2	2	2003	031303002330	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
172	F	Trần Thị Mai	Trang	24	11	2006	031306011971	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
173	F	Trần Thị Quỳnh	Trang	3	6	2007	031307002219			1	1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
174	F	Vũ Minh	Trang	1	9	2005	036305011654	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
175	F	Vũ Phương	Trang	2	11	2007	031307006742		1		1	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
176	F	Vũ Thu	Trang	26	9	2007	030307000853	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
177	M	Đỗ Đình	Trung	28	8	2004	031204004668	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
178	M	Nguyễn Thành	Trung	14	7	2004	034204013777	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
179	M	Trần Hữu	Trung	30	11	2004	031204008012	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
180	M	Trần Hữu	Trung	30	5	2003	042203003056	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
181	M	Đào Công	Trường	14	7	2007	038207016008	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
182	M	Trương Anh	Tú	3	6	1990	031090001655	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
183	M	Đặng Ngọc	Tuấn	29	4	2003	034203007582	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	202-B1	
184	M	Nguyễn An	Tuấn	8	4	2003	034203005674	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
185	M	Nguyễn Đức	Tuấn	9	1	2005	030205011134	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
186	M	Phạm Minh	Tuấn	16	1	2007	031207004677	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
187	M	Vũ Anh	Tuấn	19	4	2002	036202011786	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
188	M	Lê Thanh	Tùng	5	6	2004	031204013625	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 7: 16h30, ca 8: 18h00	203-B1	
189	M	Phạm Thanh	Tùng	6	6	2007	031207014971	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
190	M	Trần Thanh	Tùng	21	1	2002	031202001421	1			1	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
191	M	Vũ Phạm Đình Mạnh	Tùng	2	4	2004	034204001670	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	
192	F	Nguyễn Khánh	Vân	18	3	2004	031304001501	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	203-B1	
193	F	Phạm Thị	Vân	15	1	2007	031307000319	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
194	F	Nguyễn Tường	Vi	26	9	2004	031304013308	1	1		2	2019	TA	N	11/01/2026	ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	Đã chỉnh ca thi
195	M	Lâm Thế	Vinh	30	10	2003	031203009405		1		1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 1: 7h30	202-B1	
196	M	Phạm Thế	Vinh	26	6	2004	031204005350	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	

STT No.	Gender M/F	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh (Date)	Tháng sinh (Month)	Năm sinh (Year)	Số CMND / ID Number	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản/ Version	Ngôn ngữ / Language	Tài khoản Certiport/ Certiport	Ngày thi	Ca thi	Phòng thi	Ghi chú mới
197	M	Khuất Nam	Vượng	21	12	2007	001207036343	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	203-B1	
198	F	Dương Yến	Vy	8	3	2006	031306006179	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
199	F	Phạm Bùi Thảo	Vy	4	7	2006	031306014269	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 1: 7h30, ca 2: 9h00	203-B1	
200	F	Vũ Hoàng Ngọc	Vy	15	10	2007	031307047592	1	1	1	3	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 2: 9h00, ca 3: 10h30, ca 4: 12h00	202-B1	
201	M	Hồ Kỳ	Vỹ	4	5	2007	048207008514	1			1	2019	TV	Y	11/01/2026	Ca 2: 9h00	202-B1	
202	F	Nguyễn Thị	Xen	16	7	2004	033304006070	1	1		2	2019	TV	N	11/01/2026	Ca 5: 13h30; ca 6: 15h00	202-B1	